

SỰ DỊCH CHUYỂN VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN TRONG MÔ HÌNH ĐỒNG KIẾN TẠO TRI THỨC VÀ GIÁ TRỊ MỚI TẠI HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

★ TS NGUYỄN THỊ THU NGÀ

*Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

DOI: <https://doi.org/10.70786/LLCT.583.2026.309>

● **Tóm tắt:** Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI) đang đặt ra yêu cầu xác định lại vai trò của giảng viên. Từ Chương trình đào tạo theo mô hình giảng viên - học viên đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới đang được Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh triển khai, bài viết luận giải sự dịch chuyển vai trò giảng viên theo năm chiều cạnh: (i) từ người truyền thụ một chiều sang người đồng kiến tạo; (ii) người thiết kế và “bắc giàn” tri thức; (iii) người huấn luyện năng lực hành động; (iv) người kiến tạo tương tác trong hệ sinh thái số và AI; (v) người neo chốt giá trị chính trị. Đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa 5 vai trò này và đề xuất một số hàm ý và điều kiện thực hiện.

● **Từ khóa:** vai trò giảng viên; đồng kiến tạo tri thức; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

The shift in lecturer roles in the model of co-creating new knowledge and values at the Ho Chi Minh National Academy of Politics

● **Abstract:** Digital transformation and artificial intelligence (AI) are setting forth requirements to redefine the role of lecturers. Drawing from the training curriculum under the model of lecturers and learners co-creating new knowledge and values currently implemented by the Ho Chi Minh National Academy of Politics, the article elucidates the shift in lecturer roles across five dimensions: (i) from a one-way transmitter to a co-creator; (ii) a designer and knowledge "scaffolder"; (iii) a coach of action capacity; (iv) a facilitator of interactions within the digital and AI ecosystem; and (v) an anchor of political values. Concurrently, it clarifies the interrelationships among these five roles and proposes several implications and implementation conditions.

● **Keywords:** lecturer roles; knowledge co-creation; Ho Chi Minh National Academy of Politics.

1. Mở đầu

Trong kỷ nguyên số, khi tri thức trở nên dồi dào, tức thời và phi tập trung, nền tảng cho vị thế của người thầy truyền thống (cung cấp thông tin, tri thức) đã bị phá vỡ. Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo tạo sinh - có thể tóm tắt học liệu và tạo lập nội dung trong vài giây, càng đẩy nhanh quá trình này. Câu hỏi đặt ra cho người giảng viên không còn là “người thầy có bị thay thế hay không”, mà là “người thầy phải chuyển hóa như thế nào để không thể bị thay thế” (Selwyn, 2019). Đây là một vấn đề mang tính bản thể của nghề nghiệp.

Đối với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, câu hỏi ấy mang thêm một tầng ý nghĩa đặc thù: là trung tâm quốc gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và nghiên cứu lý luận chính trị, nơi “sản phẩm” đào tạo không chỉ là tri thức mà còn là bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo của hệ thống chính trị các cấp. Quán triệt chủ trương của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học (Ban Chấp hành Trung ương, 2013) và đột phá chuyển đổi số (Ban Chấp hành Trung ương, 2024), Học viện đã chuyển mạnh tư duy “từ giảng dạy sang huấn luyện”, lấy người học làm trung tâm, lấy tương tác làm nòng cốt.

Bước phát triển mang tính bước ngoặt là việc Học viện triển khai Chương trình nghiên cứu đào tạo theo Mô hình đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới (HCMA, 2026), thực hiện chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm về việc chuyển mạnh từ truyền thụ một chiều sang đồng kiến tạo, bảo đảm đào tạo không chỉ để “biết” mà để “làm”, hướng tới các giá trị công và lợi ích của nhân dân. Trong Chương trình đào tạo, việc thay đổi vai trò giảng viên được xác định là một trong năm chuyển đổi lớn: từ người truyền tải tri thức

(để biết) sang người dẫn dắt, tạo động lực và quản trị tri thức (để hiểu và vận dụng), với bốn chức năng cốt lõi là thiết kế, dẫn dắt, huấn luyện và phản biện. Bài viết tập trung luận giải: trong mô hình đồng kiến tạo, vai trò giảng viên Học viện dịch chuyển như thế nào, và những điều kiện nào bảo đảm cho sự dịch chuyển ấy vừa hiện đại về phương pháp, vừa giữ vững bản chất chính trị của Trường Đảng.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận, mô hình và phương pháp Khung lý thuyết (khái lược)

Bài viết dựa trên chủ nghĩa kiến tạo xã hội và lý thuyết đồng kiến tạo tri thức. Vygotsky (1978) khẳng định tri thức được kiến tạo trong tương tác xã hội, với hai khái niệm nền tảng là “vùng phát triển gần” (ZPD) và “người hiểu biết hơn” (MKO); cơ chế hỗ trợ tương ứng là “bắc giàn” (scaffolding) của Wood, Bruner và Ross (1976). Do đặc thù đối tượng học viên của Học viện là cán bộ lãnh đạo, quản lý đương chức và quy hoạch trong hệ thống chính trị; cán bộ lý luận chính trị... nên bài viết vận dụng lý thuyết giáo dục người lớn của Knowles và cộng sự (2015); định hướng “làm được” thay vì chỉ “biết đúng” dựa trên tiếp cận năng lực hành động (Jensen & Schnack, 1997) và học qua trải nghiệm (Kolb, 1984); chiều cạnh chuyển hóa nhận thức và giá trị dựa trên học tập chuyển hóa (Mezirow, 1991) và giáo dục đối thoại của Freire (2000).

Về tri thức nghề nghiệp của người thầy, bài viết sử dụng khái niệm “tri thức nội dung sư phạm” (PCK) của Shulman (1986) và bản mở rộng trong môi trường số là khung TPACK của Mishra và Koehler (2006). Trong hệ sinh thái số, kết nối luận của Siemens (2005), các khung năng lực số cho nhà giáo (Redecker, 2017) và nghiên cứu về AI trong giáo dục (Holmes et al., 2019; Luckin, 2018; Selwyn, 2019; UNESCO,

2023) cung cấp cơ sở phân tích cho vai trò mới của giảng viên; yêu cầu đánh giá dựa trên bằng chứng được soi sáng bởi Hattie (2009).

Mô hình đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới của Học viện

Khung lý thuyết trên được hiện thực hóa trong mô hình đào tạo do Học viện thiết kế (HCMA, 2026), tạo bối cảnh trực tiếp cho việc phân tích vai trò giảng viên. Về triết lý, mô hình xác lập phương châm “lý luận làm nền, thực tiễn làm gốc, năng lực làm đích, đạo đức làm chuẩn, học viên làm trung tâm, giảng viên giữ vai trò chủ đạo”, với quan điểm chỉ đạo “lấy tính đảng làm lõi, lý luận làm nền tảng và thực tiễn làm thước đo hiệu quả đào tạo”. Về vận hành, mô hình đi theo ba vòng liên hoàn, đồng thiết kế tri thức, đồng kiến tạo tri thức, đồng chuyển hóa tri thức thành giá trị mới và được tổ chức thành hệ sinh thái bốn tầng: hạt nhân đồng kiến tạo; không gian đào tạo, bồi dưỡng; kết nối tri thức và thực tiễn; thể chế bảo đảm hệ thống.

Trong mô hình này, phương pháp dạy học bằng tình huống được xác định là “công nghệ lõi” để gắn lý luận với thực tiễn, biến lớp học thành “thao trường huấn luyện” cán bộ; còn vai trò giảng viên chuyển từ truyền thụ sang bốn chức năng: thiết kế, dẫn dắt, huấn luyện và phản biện.

2.2. Năm chiều dịch chuyển vai trò của giảng viên

Từ khung lý luận và mô hình đã trình bày, có thể nhận diện sự dịch chuyển vai trò của giảng viên theo năm chiều cạnh gắn bó chặt chẽ. Cần nhấn mạnh rằng đây không phải là năm “nghề” khác nhau, mà là năm phương diện của một vai trò thống nhất, vai trò của người thầy trong mô hình đồng kiến tạo; mỗi phương diện làm nổi bật một khía cạnh mới trong lao động sư phạm trước yêu cầu chuyển đổi số và đặc thù Trường Đảng đòi hỏi. Điểm chung xuyên suốt cả năm

chiều là sự dịch chuyển trọng tâm: từ chỗ lấy việc “truyền đạt nội dung” làm trung tâm sang lấy việc “phát triển người học” làm trung tâm; từ chỗ người thầy là nguồn tri thức duy nhất sang chỗ người thầy là người kiến tạo điều kiện, dẫn dắt quá trình và bảo đảm phương hướng. Năm chiều dưới đây được trình bày theo trật tự từ nền tảng đến định hướng, song trên thực tế chúng luôn đan xen, cộng hưởng trong từng giờ lên lớp, và cùng quy chiếu về một chủ thể duy nhất là người giảng viên.

Thứ nhất, từ người truyền thụ một chiều sang người đồng kiến tạo

Chiều dịch chuyển nền tảng, chi phối tất cả các chiều còn lại, là sự chuyển dịch từ mô hình “độc giảng” sang mô hình đồng kiến tạo đa chiều. Đây không phải thay đổi kỹ thuật lên lớp, mà là thay đổi triết lý: tri thức không được “rót” một chiều từ người thầy sang người học, mà được kiến tạo chung trong đối thoại, nơi mỗi chủ thể đều mang tới vốn hiểu biết riêng để cùng dệt nên ý nghĩa mới (Freire, 2000; Vygotsky, 1978).

Ngay từ sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặt người học vào vị trí trung tâm trong giáo dục. Người phê phán lối dạy áp đặt một chiều, “thầy đọc, trò chép” và chủ trương xây dựng nền giáo dục phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh. Đây là nền tảng định hướng trực tiếp một trong năm chuyển đổi lớn mà chương trình đặt ra: chuyển từ truyền thụ một chiều sang đồng kiến tạo, biến lớp học thành môi trường đối thoại bình đẳng, sáng tạo (HCMA, 2026). Đặc thù đối tượng làm cho yêu cầu này thêm bức thiết: học viên Trường Đảng là cán bộ lãnh đạo, quản lý giàu trải nghiệm, có nhu cầu tự khẳng định nhu cầu “lập danh, lập ngôn và phát triển”, khác biệt căn bản với học sinh, sinh viên. Với đối tượng ấy, mỗi lớp học thực chất là một “kho tri thức thực tiễn” sống động.

Hệ quả là “uy quyền” của giảng viên không còn dựa trên độc quyền thông tin, mà dựa trên hai trụ cột: năng lực tổ chức, dẫn dắt quá trình kiến tạo tri thức và năng lực định hướng giá trị. Nếu người thầy chỉ đọc lại giáo trình, giá trị gia tăng rất thấp; nếu biết khơi mở, kết nối và nâng cấp vốn kinh nghiệm của học viên thành tri thức lý luận có hệ thống (Knowles et al., 2015), người thầy tạo ra giá trị mà không tài liệu hay hệ thống AI nào thay thế được. Sự dịch chuyển này biến quan hệ dạy học từ quan hệ “trên xuống” thành quan hệ đồng hành, cộng tác và cùng hoàn thiện, phát triển.

Điều này đòi hỏi ở giảng viên một tập hợp năng lực mới, khác về chất so với năng lực thuyết trình truyền thống: năng lực đặt câu hỏi khơi mở, năng lực lắng nghe tích cực, năng lực tổng hợp và “kết tinh” trí tuệ tập thể của lớp học thành tri thức có hệ thống. Nó cũng đặt ra một thách thức về bản sắc nghề nghiệp: người thầy phải chấp nhận từ bỏ vị thế “người biết tất cả” để trở thành người bạn học cùng đồng hành, điều mà Freire (2000) diễn đạt bằng quan hệ hai chiều “thầy trong trò và trò trong thầy”. Với giảng viên Trường Đảng, sự chuyển dịch ấy không dễ dàng, bởi điều đó diễn ra trong một môi trường đề cao tính chuẩn mực và định hướng; song chính bản lĩnh dám đối thoại, dám lắng nghe lại là biểu hiện cao nhất của sự tự tin về lý luận và của năng lực làm chủ lớp học.

Thứ hai, người thiết kế và “bắc giàn” tri thức

Khi không còn là nguồn cung cấp thông tin duy nhất, vai trò đầu tiên và quan trọng nhất của giảng viên trở thành người thiết kế (designer) toàn bộ tiến trình học tập giống một kiến trúc sư của trải nghiệm học tập hơn là một diễn giả. Người thầy thiết kế mục tiêu năng lực, biên tập học liệu, kiến tạo chuỗi hoạt động và phương thức đánh giá theo nguyên tắc “tương thích kiến

tạo” (constructive alignment): bảo đảm nhất quán giữa mục tiêu, hoạt động và đánh giá (Biggs & Tang, 2011). Trọng tâm lao động sư phạm dịch chuyển từ “trình diễn trên lớp” sang “thiết kế trước giờ lên lớp” - một đòi hỏi cao về “tri thức nội dung sư phạm” (Shulman, 1986).

Trong Chương trình của Học viện, vai trò thiết kế ứng với vòng đầu tiên của mô hình “đồng thiết kế tri thức” và được cụ thể hóa ở việc thiết kế tình huống dạy học, vốn được xác định là “công nghệ lõi” (HCMCA, 2026). Tình huống ở đây không phải ví dụ minh họa, mà là đối tượng học tập trung tâm, gồm ba loại: tình huống nguyên mẫu thực tiễn (vụ việc có thật, được ẩn danh và cấu trúc hóa), tình huống mô phỏng (có vai, dữ liệu, biến số, áp lực, yêu cầu ra quyết định), và tình huống giả định chiến lược (cho các vấn đề chưa có tiền lệ như khủng hoảng AI, an ninh phi truyền thống, cạnh tranh công nghệ).

Gắn liền với thiết kế là vai trò “bắc giàn”: trên cơ sở xác định “vùng phát triển gần” của người học, giảng viên cung cấp hệ thống nâng đỡ vừa đủ như câu hỏi gợi mở, khung phân tích, tình huống mẫu, phản hồi kịp thời để người học vươn tới điều mà nếu để một mình họ chưa đạt được (Vygotsky, 1978; Wood et al., 1976), rồi tháo dỡ dần khi năng lực trưởng thành. Nghệ thuật bắc giàn nằm ở liều lượng: hỗ trợ quá ít khiến người học nản; hỗ trợ quá nhiều, làm thay, lại triệt tiêu sự trưởng thành. Năng lực thiết kế tình huống và bắc giàn, do đó, trở thành năng lực nghề nghiệp cốt lõi và khó thay thế nhất của người thầy trong mô hình mới.

Ở chiều kỹ năng, vai trò thiết kế đòi hỏi giảng viên phải tư duy “thiết kế ngược”: xuất phát từ chuẩn năng lực đầu ra của người cán bộ, rồi mới xác định tình huống, nhiệm vụ và tiêu chí đánh giá tương ứng. Người thầy phải hình dung trước lộ trình nhận thức của học viên, dự liệu những

điểm dễ ngộ nhận, những mâu thuẫn cần được làm bật lên để “cài đặt” chúng vào cấu trúc tình huống và phiếu nhiệm vụ. Đây là lao động phần lớn “vô hình” đối với người quan sát bên ngoài, nhưng lại quyết định chất lượng của cả buổi học: một tình huống được thiết kế tốt sẽ tự nó dẫn dắt học viên đi tới những phát hiện lý luận, trong khi một tình huống nghèo nàn sẽ biến giờ thảo luận thành tranh luận tăn măn. Vì lẽ đó, trong mô hình mới, giảng viên giỏi trước hết là một “tác giả” của những trải nghiệm học tập có chủ đích, chứ không đơn thuần là người trình bày nội dung.

Thứ ba, người huấn luyện năng lực hành động

Sản phẩm mà Học viện hướng tới không phải là những người “thuộc bài”, mà là những cán bộ “làm được việc”. Do đó, vai trò thứ ba của giảng viên là người huấn luyện năng lực hành động, với sự chuyển trọng tâm dứt khoát từ “biết đúng” sang “làm được”. Sự chuyển dịch thuật ngữ từ “giảng dạy” sang “huấn luyện” phản ánh thay đổi về chất: huấn luyện gắn với thao trường, với rèn luyện lặp lại trong tình huống thực và phản hồi liên tục cộng hưởng sâu sắc với di huấn Hồ Chí Minh “huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng” (Hồ Chí Minh, 2011, tr.309).

Vai trò huấn luyện chính là hiện thân của định hướng cốt lõi mà Chương trình xác định: chuyển từ đào tạo để “biết” sang đào tạo để “làm”, lấy tình huống làm “thao trường huấn luyện” cán bộ, nâng cấp kinh nghiệm cá nhân của học viên thành năng lực quản trị (HCMA, 2026). Trên bình diện tổ chức, hoạt động huấn luyện vận hành theo một quy trình “ca học” tình huống gồm bảy bước: hướng dẫn tự học trước lớp; kích hoạt lý luận và xác định “tọa độ” bài học; nêu tình huống, giao nhiệm vụ, làm rõ vai; phân tích nhóm, nhập vai; trình bày phương án; phản biện - đối thoại giữa các nhóm; và neo chốt lý luận - phương pháp - năng lực.

Người giảng viên - huấn luyện viên là người thiết kế và dẫn dắt trọn vẹn quy trình ấy, biến mỗi “ca học” thành một lần rèn luyện năng lực hành động thực chất. Về phương pháp, lý thuyết học qua trải nghiệm của Kolb (1984) cung cấp chu trình hữu ích: trải nghiệm cụ thể - quan sát phản tư - khái quát hóa - thử nghiệm chủ động; người huấn luyện dẫn dắt người học đi trọn chu trình, biến kinh nghiệm rời rạc thành năng lực có hệ thống.

Vai trò huấn luyện làm thay đổi căn bản “tư thế” của người thầy trong lớp: từ vị trí trung tâm sân khấu, giảng viên lùi về vai trò người điều phối, quan sát và can thiệp đúng lúc. Ở mỗi bước của “ca học”, người thầy thực hiện những thao tác sư phạm khác nhau: kích hoạt vốn lý luận, giao nhiệm vụ rõ ràng, điều tiết động lực nhóm, đặt câu hỏi phản biện, cung cấp phản hồi mang tính xây dựng mà tất cả đều đòi hỏi sự nhạy bén và kinh nghiệm. Đặc biệt, năng lực phản hồi trở thành một kỹ năng cốt lõi: phản hồi phải kịp thời, cụ thể, hướng vào sự tiến bộ chứ không chỉ phán xét đúng - sai, sự phản hồi chất lượng cao là một trong những nhân tố có tác động mạnh nhất tới kết quả học tập. Do đó, người huấn luyện, không phải là người “biết nhiều nhất” mà là người “phát triển người khác giỏi nhất”.

Thứ tư, người kiến tạo tương tác trong hệ sinh thái số và trí tuệ nhân tạo

Bối cảnh chuyển đổi số đặt giảng viên vào một hệ sinh thái mới, nơi AI trở thành tác nhân tham gia trực tiếp vào quá trình dạy - học. Một cách tiếp cận giàu tiềm năng là xem AI như một dạng “người hiểu biết hơn” (MKO) mở rộng: AI có thể tóm tắt học liệu, phân tích kịch bản, gợi mở góc nhìn và giúp “bóc tách điểm mù” trong tư duy người học (Holmes et al., 2019; Luckin, 2018). Khi ấy, vai trò giảng viên không

bị thu hẹp mà được nâng cấp: từ người cung cấp thông tin thành người kiến tạo và điều phối tương tác giữa người học với AI, người thẩm định độ tin cậy của tri thức do máy tạo ra.

Cách tiếp cận này thống nhất với định hướng của Chương trình: dùng AI để mô phỏng tình huống, làm dữ liệu sinh động, sát thực tế, đồng thời chủ động “huấn luyện” AI để tạo ra những tình huống sâu sắc, phù hợp với “tọa độ lý luận” của bài học, và xa hơn là biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo (HCMA, 2026). Cách đặt vấn đề “huấn luyện AI” thay vì lệ thuộc AI khẳng định vị thế chủ thể của người thầy. Ở tầng quản trị, việc ứng dụng dữ liệu số hóa, mã định danh theo vòng đời học tập và đánh giá bằng các chỉ số (KPI) mở ra khả năng cá nhân hóa và theo dõi liên tục quá trình học.

Tuy nhiên, tích hợp AI đòi hỏi giảng viên có năng lực số và tư duy phản biện đủ vững để nhận diện rủi ro: thiên lệch dữ liệu, “ảo giác” thông tin, nguy cơ lệ thuộc làm suy giảm tư duy độc lập, cùng các vấn đề đạo đức, an toàn thông tin (Selwyn, 2019; UNESCO, 2023; Zawacki-Richter et al., 2019). Việc trang bị năng lực số cần được chuẩn hóa theo các khung bài bản (Re-decker, 2017). Nói cách khác, AI có thể thay thế chức năng cung cấp thông tin, nhưng không thể thay thế chức năng định hướng giá trị và kiến tạo ý nghĩa của người thầy.

Giảng viên phải biết thiết kế các nhiệm vụ học tập tích hợp AI một cách có chủ đích: hướng dẫn học viên dùng AI để tra cứu, mô phỏng, phản biện, nhưng đồng thời rèn cho họ thói quen kiểm chứng, đối chiếu và tư duy độc lập trước mọi sản phẩm do AI tạo ra. Ở Trường Đảng, năng lực này còn mang ý nghĩa chính trị: người thầy phải bảo đảm rằng công nghệ được “huấn luyện” và sử dụng phục vụ mục tiêu, chuẩn mực lý luận chính trị đã xác định, kiên quyết lọc bỏ

các hệ giá trị lệch lạc, trái chiều ẩn chứa trong các nền tảng số.

Thứ năm, người neo chốt giá trị chính trị

Nếu bốn chiều trên về cơ bản là chung cho mọi nền giáo dục hiện đại, thì chiều thứ năm khẳng định bản chất không thể thay thế của Trường Đảng. Trong môi trường đối thoại mở và bùng nổ thông tin, nơi các luồng quan điểm đa chiều, thậm chí sai trái, thù địch cùng tồn tại, giảng viên Học viện phải là người “neo chốt giá trị chính trị”: người giữ vững chuẩn mực lý luận, bảo đảm tính đảng, tính khoa học và tính định hướng của quá trình đào tạo. Vai trò này không mâu thuẫn với tinh thần đối thoại sáng tạo; trái lại, đối thoại chỉ thực sự có giá trị khi được dẫn dắt bởi một người thầy có bản lĩnh và lập trường chính trị vững vàng.

Neo chốt giá trị không phải là áp đặt một chiều mà là năng lực đồng hành cùng người học qua quá trình chuyển hóa nhận thức, cụ thể: luôn chủ động nêu vấn đề, sẵn sàng tranh luận với các quan điểm khác biệt, đề rồi trên nền lập luận khoa học và thực tiễn, người học tự mình củng cố niềm tin và rèn luyện bản lĩnh chính trị. Chính ở đây bộc lộ điểm giao thoa sâu sắc nhất giữa khoa học giáo dục hiện đại và đặc thù lý luận chính trị: một người cán bộ chỉ thực sự vững vàng khi niềm tin là kết quả của quá trình tự nhận thức, chứ không phải tiếp nhận thụ động.

Trong Chương trình đào tạo theo mô hình giảng viên - học viên đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới, vai trò này được thể chế hóa thành bước cuối, cũng là bước quyết định, của quy trình đào tạo tại mỗi bài học: “neo chốt lý luận - phương pháp - năng lực” (HCMA, 2026). Sau khi đã mở rộng đối thoại và phản biện, người thầy quy tụ, chuẩn hóa và định hướng lại toàn bộ quá trình về đúng “tọa độ lý luận” của môn học, xuất phát điểm và chuẩn mực của mọi tình huống. Đây là

nơi quan điểm “lấy tính đảng làm lõi” được hiện thực hóa một cách sư phạm, và cũng là lý do trong bốn chức năng mới của giảng viên, chức năng “phản biện” gắn bó mật thiết với vai trò neo chốt: người thầy phải đủ bản lĩnh và trí tuệ để phản biện, uốn nắn nhận thức lệch lạc và khẳng định giá trị cốt lõi. Mục tiêu cao nhất của người thầy Trường Đảng không chỉ là truyền thụ tri thức, mà là góp phần hun đúc nhân cách, bản lĩnh chính trị của người cán bộ, đây là sứ mệnh không công nghệ nào có thể thay thế.

Thao tác “neo chốt” là nơi kết tinh rõ nhất giá trị không thể thay thế của giảng viên Trường Đảng, bởi nó đòi hỏi một năng lực kép mà không công cụ nào có được: năng lực khái quát hóa khoa học và bản lĩnh chính trị. Về khoa học, người thầy phải “lý luận hóa kinh nghiệm”, nhìn ra cái phổ quát trong cái đặc thù, cái quy luật trong cái ngẫu nhiên, để nâng những “mảnh ghép” thực tiễn của học viên thành tri thức có hệ thống. Về chính trị, người thầy phải là “người trọng tài khoa học” đủ tinh táo và bản lĩnh để phân định đâu là luận điểm cốt lõi cần giữ vững, đâu là ranh giới không được vượt qua. Nghệ thuật của neo chốt là chốt mà không áp đặt: kết luận được đưa ra sau khi người học đã tự mình trải nghiệm quá trình tìm tòi, nên có sức thuyết phục nội tại; nhờ đó, tính đảng được củng cố thông qua chính quá trình đối thoại chứ không phải áp đặt.

2.3. *Mối quan hệ giữa năm vai trò*

Năm chiều cạnh trên không rời rạc hay thay thế lẫn nhau, mà hợp thành một chỉnh thể hữu cơ, có quan hệ tầng bậc và cộng hưởng. Vai trò người thiết kế và bắc giàn là nền tảng, tạo không gian và lộ trình học tập; vai trò người huấn luyện là mục tiêu vận hành, chuyển hóa tri thức thành năng lực; vai trò người kiến tạo tương tác số và AI là đòn bẩy, nhân bội hiệu quả của cả bốn vai trò; và vai trò người neo chốt giá trị chính trị là

phương hướng và linh hồn, bảo đảm toàn bộ quá trình đi đúng quỹ đạo chính trị. Sự chuyển hóa từ “truyền thụ” sang “đồng kiến tạo” là tiền đề triết học chi phối cả bốn chiều còn lại.

Tính chỉnh thể ấy càng rõ khi đối chiếu với “ba vòng liên hoàn” của Chương trình (HCMA, 2026): vai trò thiết kế ứng với vòng “đồng thiết kế tri thức”; các vai trò đồng kiến tạo, huấn luyện và kiến tạo tương tác số cùng vận hành trong vòng “đồng kiến tạo tri thức”; còn vai trò neo chốt giá trị là điều kiện hoàn tất vòng “đồng chuyển hóa tri thức thành giá trị mới” bởi tri thức chỉ trở thành “giá trị mới” đúng hướng khi được neo vào hệ giá trị chính trị chuẩn mực. Như vậy, năm chiều dịch chuyển vai trò chính là sự triển khai cụ thể, ở cấp độ người thầy, của logic “ba vòng - bốn tầng” mà Chương trình đề ra; nếu thiếu chiều neo chốt giá trị, mô hình có thể chệch hướng sang chủ nghĩa kỹ trị, còn nếu chỉ nhấn mạnh neo chốt mà bỏ qua bốn chiều hiện đại hóa thì lại rơi vào áp đặt một chiều.

2.4. *Một số hàm ý và điều kiện thực hiện*

Thứ nhất, cần xây dựng và chuẩn hóa khung năng lực giảng viên Trường Đảng phản ánh đầy đủ năm chiều cạnh, tích hợp bốn nhóm năng lực: thiết kế và tổ chức dạy học theo hướng kiến tạo; huấn luyện và phát triển năng lực hành động; năng lực số và tích hợp AI có trách nhiệm; bản lĩnh chính trị và năng lực định hướng giá trị. Việc bồi dưỡng giảng viên cần chuyển từ tập huấn phương pháp đơn lẻ sang phát triển năng lực nghề nghiệp liên tục, có hệ thống, gắn với các khung năng lực số cho giảng viên

Thứ hai, các điều kiện thể chế đã bước đầu được cụ thể hóa trong Chương trình, tạo thuận lợi cho triển khai (HCMA, 2026): xây dựng ngân hàng tình huống toàn hệ thống, cập nhật thường xuyên; bồi dưỡng giảng viên về thiết kế tình huống, tổ chức thảo luận nhóm, neo chốt lý

luyện và đánh giá năng lực; chuyển cơ chế đánh giá từ tái hiện tri thức sang đánh giá năng lực vận dụng, đánh giá giảng viên theo sản phẩm dạy học chứ không chỉ theo giờ giảng. Bao trùm là yêu cầu bảo đảm liêm chính học thuật, đề cao tính đảng, tính khoa học và tính thực tiễn là “bộ lọc” bảo đảm quá trình không chệch hướng.

Thứ ba, cần cảnh giác với hai thái cực: tuyệt đối hóa công nghệ, kỹ thuật mà lơ lửng định hướng giá trị của Trường Đảng; hoặc bám giữ lối truyền thụ cũ, bỏ lỡ cơ hội hiện đại hóa. Nghệ thuật quản trị đổi mới nằm ở việc giữ cân bằng biện chứng giữa hiện đại hóa phương pháp và giữ vững bản chất chính trị.

3. Kết luận

Sự dịch chuyển vai trò của giảng viên trong mô hình đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới là một tất yếu khách quan trong kỷ nguyên số và là yêu cầu tự thân của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, sự dịch chuyển này diễn ra theo năm chiều gắn bó hữu cơ: từ người truyền thụ sang người đồng kiến tạo; người thiết kế và bắc giàn tri thức; người huấn luyện năng lực hành động; người kiến tạo tương tác trong hệ sinh thái số và AI; và người neo chốt giá trị chính trị. Năm vai trò ấy là sự triển khai ở cấp độ người thầy của cấu trúc “ba vòng liên hoàn” và định hướng “lấy tính đảng làm lõi” của Chương trình.

Sự dịch chuyển vai trò của giảng viên tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh sang mô hình đồng kiến tạo tri thức là bước chuyển chiến lược từ “truyền thụ một chiều” sang “đồng hành”, nơi giảng viên đóng vai trò điều phối và học viên chủ động chia sẻ thực tiễn. Việc chuyển đổi này đòi hỏi giảng viên không chỉ vững vàng về lý luận chính trị mà còn phát triển kỹ năng mềm và năng lực số, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý của

hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới □

Ngày nhận bài: 16/7/2026;

Ngày bình duyệt: 7/9/2026;

Ngày quyết định đăng: 20/9/2026.

Email tác giả: nntrangthu@gmail.com

Tài liệu tham khảo:

Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.

Ban Chấp hành Trung ương (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.

Biggs, J., & Tang, C (2011). *Teaching for quality learning at university* (4th ed.). Open University Press.

Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập (Tập 5)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - HCMA (2026). *Chương trình nghiên cứu đào tạo theo mô hình giảng viên - học viên đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới* [Tài liệu Hội nghị triển khai, ngày 27/6/2026, và hoạt động giảng dạy thí điểm, ngày 14-15/7/2026]. <https://hcma.vn>.

Holmes, W., Bialik, M., & Fadel, C. (2019). *Artificial intelligence in education: Promises and implications for teaching and learning*. Center for Curriculum Redesign.

Siemens, G. (2005). Connectivism: A learning theory for the digital age. *International Journal of Instructional Technology and Distance Learning*, 2(1), 3-10.

UNESCO. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. UNESCO Publishing.

Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.